

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Y**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2018); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông **Trần Văn S**, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Phạm Duy T1**, chức vụ: Cán bộ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B: Ông **Lưu Văn K1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2018), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B: Ông **Phan Thanh T2**, Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Xuân H1**, chức vụ: Trưởng phòng quản lý và phát triển quỹ đất - Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2018); Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện các ngày 12/11/2018, ngày 04/12/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K trình bày: Năm 1984, vợ chồng ông, bà được nhận vào làm công nhân Nông trường cà phê X (nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê B). Năm 1993, vợ chồng ông bà được Nông trường cấp một lô đất diện tích 300m² để làm nhà ở. Sau khi được cấp đất vợ chồng ông, bà xây dựng nhà ở trên đất, sử dụng ổn định và không có tranh chấp; Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/12/2002, vợ chồng ông, bà ký kết hợp đồng với Công ty cà phê B, nhận khoán vườn cây cà phê diện tích 6.000m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20/02/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 369/QĐ-UBND về việc thu hồi 58.436m² đất của Công ty cà phê B, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý. Trong đó, có 300m² đất của vợ chồng ông bà được Nông trường cấp vào năm 1993 và một phần diện tích đất vợ chồng ông bà nhận khoán của Công ty cà phê B.

Ngày 05/10/2011, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 6050/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết khu dân cư, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B; Bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông, bà cây trồng và vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi 1.917,1m² là 156.898.556 đồng, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, đối với 300m² đất mà vợ chồng ông bà được Nông trường X cấp làm nhà ở vào năm 1993.

Ngày 25/7/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 4347/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho vợ chồng ông bà giá trị 5,5m² nhà ở trên đất bị thu hồi là 5.997.200 đồng.

Ngày 13/7/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 3994/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 1.917,7m² đất của gia đình bà. Trong đó có 300m² đất làm nhà ở của vợ chồng ông bà, có giá trị 500.000.000 đồng nhưng chưa được bồi thường.

Ủy ban nhân dân thành phố B, thu hồi đất của vợ chồng ông, bà nhưng bồi thường chưa đầy đủ tài sản gắn liền với đất, chưa bồi thường 300m² đất làm nhà ở của vợ chồng ông bà. Vì vậy, vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định thu hồi đất số: 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Hủy một phần Quyết định số: 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất của vợ chồng ông bà bị thu hồi; Hủy một phần Quyết định số: 4347/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho vợ chồng ông bà; Hủy Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất của vợ chồng ông bà; Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi 300m² đất làm nhà ở của vợ chồng ông

bà; Buộc UBND thành phố B phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông bà 500.000.000 đồng là giá trị 300m² đất làm nhà ở bị cưỡng chế thu hồi.

Ngày 12/11/2018, vợ chồng ông bà rút yêu cầu khởi về việc hủy Quyết định thu hồi đất số: 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa, vợ chồng ông, bà rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B bồi thường thiệt hại 500.000.000 đồng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B trình bày: Ngày 20/02/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số: 369/QĐ-UBND về việc thu hồi 58.436m² đất của Công ty cà phê B, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý và được sử dụng quy hoạch khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B. Trong đó, có diện tích đất 1.917,1m² mà gia đình bà Nguyễn Thị H nhận khoán của Công ty cà phê B, theo hợp đồng nhận khoán số: 86/HĐKT ngày 26/12/2002; Vợ chồng bà H cho rằng trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên, có 300m² đất bà H được Nông trường cà phê X cấp để làm nhà ở là không có căn cứ. Vì bà H không cung cấp được giấy tờ để chứng minh, được Nông trường cà phê X cấp đất làm nhà ở vào năm 1993. Vì vậy, Quyết định số: 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà H về cây trồng trên đất và vật kiến trúc gắn liền với đất là 158.898.556 đồng là đúng với quy định của pháp luật; Bà H đã nhận tiền bồi thường và không có khiếu nại gì.

Trên diện tích đất của gia đình bà H bị thu hồi, có căn nhà tạm 17,5m², đã được hỗ trợ 12m² nhà ở tại Quyết định số: 6050/QĐ-UBND; diện tích nhà ở còn lại chưa được hỗ trợ. Vì vậy, ngày 25/7/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 4347/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho vợ chồng ông bà 5,5m² nhà ở trên đất bị thu hồi là 5.997.200 đồng.

Như vậy, UBND thành phố B đã bồi thường, hỗ trợ đầy đủ cho gia đình bà H đối với diện tích đất bị thu hồi. Gia đình bà H có nhà ở trên diện tích đất bị thu hồi mà không có chỗ ở nào khác, nên UBND thành phố B đã giao cho gia đình bà một lô đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất không đấu giá nhưng gia đình bà H không đồng ý. Mặc dù chính quyền địa phương đã vận động, thuyết phục vợ chồng bà H bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho UBND thành phố B để thực hiện quy hoạch khu dân cư nhưng gia đình bà H không chấp hành. Vì vậy, ngày 13/7/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số:

3994/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 1.917,1m² đất của gia đình bà H là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H, ông K.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk trình bày: Sau khi UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2009, thu hồi 58.436m² đất của Công ty cà phê B tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý. Trung tâm đã tiến hành xác định ranh giới diện tích đất bị thu hồi và tham mưu cho UBND thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi; Diện tích đất gia đình bà H khoán của Công ty cà phê B bị thu hồi là 1.917,1m². Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đồng ý với lời trình của UBND thành phố B về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H, ông K.

Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 16 Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Khoản 2, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

1. Tuyên hủy một phần Quyết định số: 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 và Quyết định số: 4347/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND thành phố B, về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình quy hoạch chi tiết khu dân cư, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H giá trị căn nhà cấp 4, diện tích 64m² trên diện tích đất bị thu hồi, theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi 300m² đất làm

nhà ở, trong tổng số diện tích đất 1.917,1m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3994/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

4. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy Quyết định thu hồi đất số 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông, bà 500.000.000 đồng do bị cưỡng chế thu hồi 300m² đất làm nhà ở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự:

Ngày 03 tháng 3 năm 2019, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Năm 1984, vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H được nhận vào làm công nhân Nông trường cà phê X (nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê B).

Ngày 26/12/2002, vợ chồng ông K, bà H ký kết hợp đồng với Công ty cà phê B, nhận khoán vườn cây cà phê diện tích 6.000m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20/02/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 369/QĐ-UBND về việc thu hồi 58.436m² đất của Công ty cà phê B, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý.

Ngày 05/10/2011, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 6050/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết khu dân cư, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B; Bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông, bà cây trồng và vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất bị thu hồi 1.917,1m² là 156.898.556 đồng, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, đối với 300m² đất mà vợ chồng ông bà được Nông trường X cấp làm nhà ở vào năm 1993.

Ngày 22/12/2011, giữa đại diện hộ bàn giao mặt bằng là bà Nguyễn Thị H và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk có biên bản bàn giao mặt bằng (BL 110). Theo biên bản bàn giao thể hiện hộ ông K bà H tiến hành bàn giao mặt bằng khu đất 1.917,7m² đã thực hiện xong việc chi trả bồi thường, cho Trung tâm phát triển quỹ đất. Diện tích và ranh giới bàn giao được xác định theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Sở tài nguyên Môi trường nghiệm thu ngày 16/6/2011.

[2]. Xét kháng cáo của ông K bà H, cho rằng trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên, có 300m² đất bà H được Nông trường cà phê X cấp để làm nhà ở, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 86/HĐKT ngày 26/12/2002, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty cà phê B thì bà H nhận khoán 6.000m² vườn cây cà phê của Công ty để canh tác và hàng năm nộp sản phẩm cho Công ty, thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B. Sau khi nhận khoán vườn cây cà phê, gia đình bà H đã xây dựng nhà ở trên đất nhận khoán, để chăm sóc vườn cây cà phê và sinh sống tại đây.

Như vậy, diện tích đất 1.917,1m² mà gia đình bà H nhận khoán bị thu hồi, thuộc quyền sử dụng đất của Công ty cà phê B, nên UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất của Công ty cà phê B, là đúng pháp luật, được quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Bà H và ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi 300m² đất, trong tổng số diện tích đất bị thu hồi là không có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có xuất trình các giấy tờ gồm:

- Giấy xác nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, đề ngày 08/7/2000.

- Giấy xác nhận Quyền sử dụng đất đề ngày 25/10/2002 (dùng để thế chấp ngân hàng vay vốn).

- Đơn xin xác nhận đất và nhà ở đề ngày 31/5/2003.

- Đơn xin xác nhận nhà đất đề ngày 29/6/2006.

- Đơn đề nghị cấp đất tái định cư đề ngày 29/10/2010.

- Đơn đề nghị xác nhận về thuế nhà đất đề ngày 05/4/2018.

Xét những giấy tờ nêu trên thấy rằng: Căn cứ vào bản đồ quản lý của Công ty TNHH MTV cà phê B, và bản đồ địa chính phường T, qua các thời kỳ xét thấy: Chưa đủ căn cứ để chứng minh bà H được Công ty TNHH MTV cà phê B cấp 300m² đất cho bà H để xây dựng nhà ở. Tại đơn đề nghị cấp đất tái định cư (BL218) bà H cũng thừa nhận được Công ty giao khoán cho 0,6 ha cà phê và không có nhà ở nên làm nhà ở vị trí tại bờ lô thuộc diện tích cà phê nói trên. Như vậy, bà H xây dựng nhà trên đất được Công ty giao khoán cà phê chứ không phải được Công ty cấp đất làm nhà như ý kiến của bà H.

[3]. Diện tích đất 1.917,1m² mà gia đình bà H nhận khoán của Công ty bị thu hồi là đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, nên khi nhà nước thu hồi đất, gia đình bà H được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số: 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số: 4347/QĐ-UBND ngày 25/7/2018, của UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Hiền cây trồng và vật kiến trúc gắn liền với đất là đúng với quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ.

[4]. Xét thấy việc bà H có nhà trên đất của Công ty giao khoán là có thật, án sơ thẩm tuyên buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H giá trị căn nhà cấp 4, diện tích 64m² trên diện tích đất bị thu hồi, theo quy định của pháp luật là có căn cứ, bảo vệ quyền lợi chính đáng của bà H. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi 300m² đất làm nhà ở, trong tổng số diện tích đất 1.917,1m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những viện dẫn nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của bà H và ông K là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: *01/2019/HC-ST ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.*

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 16 Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Khoản 2, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

1. Tuyên hủy một phần Quyết định số: 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 và Quyết định số: 4347/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND thành phố B, về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình quy hoạch chi tiết khu dân cư, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H giá trị căn nhà cấp 4, diện tích 64m² trên diện tích đất bị thu hồi, theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi 300m² đất làm nhà ở, trong tổng số diện tích đất 1.917,1m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 41, tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3994/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

4. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy Quyết định thu hồi đất số 369/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông, bà 500.000.000 đồng do bị cưỡng chế thu hồi 300m² đất làm nhà ở.

5. **Về án phí:** Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số **0014504** ngày **05/3/2019** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk do vậy số tiền tạm ứng án phí chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành